



LÝ THUYẾT

BÀI 2: PHÉP TOÁN TRÊN TẬP HỢP SỐ

Câu 161:Viết lại tập hợp sau bằng các kí hiệu khoảng, đoạn, nửa khoảng và biểu diễn trên trục số

a) $A = \{x \in \mathbb{R} \mid -4 \leq x < 5\}$

b) $B = \{x \in \mathbb{R} \mid x < 6\}$

c) $C = \{x \in \mathbb{R} \mid 3 \leq x\}$

d) $D = \{x \in \mathbb{R} \mid x \leq 1\}$

Câu 162:Xác định $A \cap B$, $A \cup B$, $A \setminus B$, $B \setminus A$ và biểu diễn chúng trên trục số, với:

a) $A = [-4; 4]$, $B = [1; 7]$

b) $A = [-4; -2]$, $B = (3; 7]$

Câu 163:Xác định $A \cap B$, $A \cup B$, $A \setminus B$, $B \setminus A$ và biểu diễn chúng trên trục số, với:

a) $A = (-\infty; 4]$, $B = (-1; 2)$

b) $A = (-2; 8)$, $B = [2; 5]$

c) $A = [1; 4]$, $B = (2; 6)$, $C = (1; 2)$

d) $A = (-\infty; -2]$, $B = [3; +\infty)$, $C = (0; 4)$

Câu 164:Cho $A = (-\infty; m+1)$, $B = [3; +\infty)$ với m là tham số thực. Tìm m để:

a) $A \cup B = \mathbb{R}$

b) $A \cap B$ chứa đúng 5 số nguyên.



MÓN QUÀ

Câu 165:Xác định các tập hợp sau và biểu diễn chúng trên trục số.

a) $(-4; 1] \cap [0; 3)$

b) $(0; 2] \cup [-3; 1)$

c) $(-2; 1) \cap (-\infty; 1]$

d) $\mathbb{R} \setminus (-\infty; 3]$

Câu 166:Cho các tập con $A = [-1; 3]$ và $B = [0; 5)$ của tập số thực $\mathbb{R}$. Hãy xác định $A \cap B$, $A \cup B$, $A \setminus B$, $B \setminus A$.

Câu 167:Cho đoạn $A = [-5; 1]$ và khoảng $B = (-3; 2)$. Xác định $A \cup B$, $A \cap B$, $A \setminus B$, $C_{\mathbb{R}} B$.

Câu 168:Xác định các tập hợp $A \cup B$, $A \setminus C$, $A \cap B \cap C$, biết:

a) $A = \{x \in \mathbb{R} \mid -1 \leq x \leq 3\}$, $B = \{x \in \mathbb{R} \mid x \geq 1\}$, $C = (-\infty; 1)$

b) $A = \{x \in \mathbb{R} \mid -2 \leq x \leq 2\}$, $B = \{x \in \mathbb{R} \mid x \geq 3\}$, $C = (-\infty; 0)$

Câu 169:Cho các tập hợp: $A = [-1; 7]$, $B = (m-1; m+5)$ với m là một tham số thực. Tìm m để:

a) $B \subset A$;

b) $A \cap B = \emptyset$.

Câu 170:Cho hai tập hợp $A = [2; m+1]$ và $B = \left[\frac{1}{2}; +\infty\right)$. Tìm m để $A \cap B$ chỉ có đúng một 1 phần tử.

Câu 171:Cho hai tập khác rỗng $A = (m-1; 4]$ và $B = (-2; 2m+2)$, với $m \in \mathbb{R}$. Xác định m để:

- a) $A \cap B \neq \emptyset$ b) $A \subset B$ c) $B \subset A$ d) $(A \cap B) \subset (-1; 3)$

Câu 172: Cho hai tập hợp $A = (-4; 3)$ và $B = (m-7; m)$. Tìm m để $B \subset A$.

Câu 173: Cho hai tập hợp $A = (-\infty; m]$ và $B = (5; +\infty)$. Tùy theo m , tìm $A \cap B$

Câu 174: Cho số thực $a < 0$ và tập hợp $A = (-\infty; 9a), B = \left(\frac{4}{a}; +\infty\right)$. Tìm a để $A \cap B \neq \emptyset$



BÍ MẬT

Câu 175: Biểu diễn các tập hợp sau trên trục số.

- a) $A = [3; 9] \setminus [-2; 7]$; b) $E = [-1; +\infty) \cap (-4; 9]$ c) $C = [1; 5] \cup [4; +\infty)$; d) $D = \mathbb{R} \setminus [-1; +\infty)$.

Câu 176: Xác định các tập hợp sau đây:

- a) $A = [-2; 1] \cup (0; 3]$; b) $B = (-\infty; 1] \cup (-2; 2)$;
c) $C = (-1; 4] \cap (-3; 2)$; d) $D = (-3; 2) \setminus (1; 4)$; e) $E = C_{\mathbb{R}}(-\infty; 2)$.

Câu 177: Cho các tập hợp $A = \{x \in \mathbb{R} | x^2 \leq 4\}$, $B = \{x \in \mathbb{R} | x < 1\}$. Viết các tập hợp sau đây $A \cup B$, $A \cap B$, $A \setminus B$, $C_{\mathbb{R}} B$ dưới dạng khoảng, nửa đoạn, đoạn.

Câu 178: Cho $A = [m; m+2]$ và $B = [n; n+1]$ với m, n là các tham số thực. Tìm điều kiện của các số m và n để tập hợp $A \cap B$ chứa đúng một phần tử.

Câu 179: Cho các tập hợp $A = (-\infty; m)$ và $B = [3m-1; 3m+3]$. Tìm m để

- a) $A \subset C_{\mathbb{R}} B$ b) $C_{\mathbb{R}} A \cap B \neq \emptyset$

Câu 180: Cho hai tập hợp $A = [-4; 1]$, $B = [-3; m]$. Tìm m để:

- a) $A \cap B = [-3; 1]$ b) $A \cup B = A$

Câu 181: Cho hai tập hợp $A = (m-1; 5)$ và $B = (3; +\infty)$. Tìm m để $A \setminus B = \emptyset$.

Câu 182: Tìm các giá trị thực của tham số a sao cho $\left[a; \frac{a+1}{2}\right] \subset (-\infty; -1) \cup (1; +\infty)$.

Câu 183: Cho hai tập hợp $A = (2m-1; m+3)$, $B = (-4; 5)$. Tìm m để:

- a) $A \subset B$ b) $B \subset A$
c) $A \cap B = \emptyset$ d) $A \cup B$ là một khoảng.

Câu 184: Cho hai tập hợp $A = (-3; 5]$, $B = [a; +\infty)$. Tìm a để

- a) $A \cap B = [-2; 5]$ b) $A \cap B$ có đúng một phần tử.



THỬ THUẬT

Câu 185: Cho tập hợp $A = (-\infty; -1]$ và tập $B = (-2; +\infty)$. Khi đó $A \cup B$ là:

- A. $(-2; +\infty)$ B. $(-2; -1]$ C. $\mathbb{R}$ D. $\emptyset$

Câu 186: Cho hai tập hợp $A = [-5; 3)$, $B = (1; +\infty)$. Khi đó $A \cap B$ là tập nào sau đây?

- A. $(1; 3)$ B. $(1; 3]$ C. $[-5; +\infty)$ D. $[-5; 1]$

- Câu 187:** Cho $A = (-2; 1)$, $B = [-3; 5]$. Khi đó $A \cap B$ là tập hợp nào sau đây?
 A. $[-2; 1]$ B. $(-2; 1)$ C. $(-2; 5]$ D. $[-2; 5]$
- Câu 188:** Cho hai tập hợp $A = (1; 5]$; $B = (2; 7]$. Tập hợp $A \setminus B$ là:
 A. $(1; 2]$ B. $(2; 5)$ C. $(-1; 7]$ D. $(-1; 2)$
- Câu 189:** Cho tập hợp $A = (2; +\infty)$. Khi đó $C_{\mathbb{R}}A$ là:
 A. $[2; +\infty)$ B. $(2; +\infty)$ C. $(-\infty; 2]$ D. $(-\infty; -2]$
- Câu 190:** Cho các số thực a, b, c, d và $a < b < c < d$. Khẳng định nào sau đây là đúng?
 A. $(a; c) \cap (b; d) = (b; c)$ B. $(a; c) \cap (b; d) = (b; c]$
 C. $(a; c) \cap [b; d) = [b; c)$ D. $(a; c) \cup [b; d) = (b; c)$
- Câu 191:** Cho ba tập hợp $A = [-2; 2]$, $B = [1; 5]$, $C = [0; 1)$. Khi đó tập $(A \setminus B) \cap C$ là:
 A. $\{0; 1\}$ B. $[0; 1)$ C. $(-2; 1)$ D. $[-2; 5]$
- Câu 192:** Cho tập hợp $C_{\mathbb{R}}A = [-3; \sqrt{8})$, $C_{\mathbb{R}}B = (-5; 2) \cup (\sqrt{3}; \sqrt{11})$. Tập $C_{\mathbb{R}}(A \cap B)$ là:
 A. $(-3; \sqrt{3})$ B. $\emptyset$ C. $(-5; \sqrt{11})$ D. $(-3; 2) \cup (\sqrt{3}; \sqrt{8})$
- Câu 193:** Cho $A = [1; 4]$; $B = (2; 6)$; $C = (1; 2)$. Tìm $A \cap B \cap C$:
 A. $[0; 4]$ B. $[5; +\infty)$ C. $(-\infty; 1)$ D. $\emptyset$
- Câu 194:** Cho hai tập $A = \{x \in \mathbb{R} \mid x + 3 < 4 + 2x\}$, $B = \{x \in \mathbb{R} \mid 5x - 3 < 4x - 1\}$.
 Tất cả các số tự nhiên thuộc cả hai tập A và B là:
 A. 0 và 1. B. 1. C. 0 D. Không có.
- Câu 195:** Cho $A = [-4; 7]$, $B = (-\infty; -2) \cup (3; +\infty)$. Khi đó $A \cap B$:
 A. $[-4; -2) \cup (3; 7]$ B. $[-4; -2) \cup (3; 7)$ C. $(-\infty; 2] \cup (3; +\infty)$ D. $(-\infty; -2) \cup [3; +\infty)$
- Câu 196:** Cho $A = (-\infty; -2]$, $B = [3; +\infty)$, $C = (0; 4)$. Khi đó tập $(A \cup B) \cap C$ là:
 A. $[3; 4]$ B. $(-\infty; -2] \cup (3; +\infty)$ C. $[3; 4)$ D. $(-\infty; -2) \cup [3; +\infty)$
- Câu 197:** Cho $A = \{x \in \mathbb{R} : x + 2 \geq 0\}$, $B = \{x \in \mathbb{R} : 5 - x \geq 0\}$. Khi đó $A \cap B$ là:
 A. $[-2; 5]$ B. $[-2; 6]$ C. $[-5; 2]$ D. $(-2; +\infty)$
- Câu 198:** Cho $A = \{x \in \mathbb{R} : x + 2 \geq 0\}$, $B = \{x \in \mathbb{R} : 5 - x \geq 0\}$. Khi đó $A \setminus B$ là:
 A. $[-2; 5]$ B. $[-2; 6]$ C. $(5; +\infty)$ D. $(2; +\infty)$

- Câu 199:** Cho hai tập hợp $A = [-2; 7), B = (1; 9]$. Tìm $A \cup B$.
 A. $(1; 7)$ B. $[-2; 9]$ C. $[-2; 1)$ D. $(7; 9]$
- Câu 200:** Cho hai tập hợp $A = \{x \in \mathbb{R} \mid -5 \leq x < 1\}$; $B = \{x \in \mathbb{R} \mid -3 < x \leq 3\}$. Tìm $A \cap B$.
 A. $[-5; 3]$ B. $(-3; 1)$ C. $(1; 3]$ D. $[-5; 3)$
- Câu 201:** Cho $A = (-1; 5], B = (2; 7)$. Tìm $A \setminus B$.
 A. $(-1; 2]$ B. $(2; 5]$ C. $(-1; 7)$ D. $(-1; 2)$
- Câu 202:** Cho 3 tập hợp $A = (-\infty; 0]$, $B = (1; +\infty)$, $C = [0; 1)$. Khi đó $(A \cup B) \cap C$ bằng:
 A. $\{0\}$ B. $\mathbb{R}$ C. $\{0; 1\}$ D. $\emptyset$
- Câu 203:** Cho hai tập hợp $M = [-4; 7]$ và $N = (-\infty; -2) \cup (3; +\infty)$. Khi đó $M \cap N$ bằng:
 A. $[-4; -2) \cup (3; 7]$ B. $[-4; 2) \cup (3; 7)$ C. $(-\infty; 2] \cup (3; +\infty)$ D. $(-\infty; -2) \cup [3; +\infty)$
- Câu 204:** Cho hai tập hợp $A = [-2; 3], B = (1; +\infty)$. Khi đó $C_{\mathbb{R}}(A \cup B)$ bằng:
 A. $(1; 3)$ B. $(-\infty; 1] \cup [3; +\infty)$ C. $[3; +\infty)$ D. $(-\infty; -2)$
- Câu 205:** Cho 3 tập hợp: $A = (-\infty; 1]$; $B = [-2; 2]$ và $C = (0; 5)$. Tính $(A \cap B) \cup (A \cap C) = ?$
 A. $[-2; 1]$ B. $(-2; 5)$ C. $(0; 1]$ D. $[1; 2]$
- Câu 206:** Cho ba tập $A = [-2; 0]$, $B = \{x \in \mathbb{R} \mid -1 < x < 0\}$; $C = \{x \in \mathbb{R} \mid |x| < 2\}$. Khi đó:
 A. $(A \cap C) \setminus B = (-2; -1)$ B. $(A \cap C) \setminus B = [-2; -1]$
 C. $(A \cap C) \setminus B = (-2; -1]$ D. $(A \cap C) \setminus B = [-2; -1)$
- Câu 207:** Cho $A = (-\infty; -2]$; $B = [3; +\infty)$ và $C = (0; 4)$. Khi đó tập $(A \cup B) \cap C$ là:
 A. $(-\infty; -2) \cup [3; +\infty)$ B. $(-\infty; -2] \cup (3; +\infty)$ C. $[3; 4)$ D. $[3; 4]$
- Câu 208:** Cho ba tập hợp $C_{\mathbb{R}}M = (-\infty; 3), C_{\mathbb{R}}N = (-\infty; -3) \cup (3; +\infty)$ và $C_{\mathbb{R}}P = (-2; 3]$. Chọn khẳng định đúng?
 A. $(M \cap N) \cup P = (-\infty; -2] \cup [3; +\infty)$ B. $(M \cap N) \cup P = [-3; +\infty)$
 C. $(M \cap N) \cup P = (-\infty; -2] \cup (3; +\infty)$ D. $(M \cap N) \cup P = [-2; 3]$
- Câu 209:** Cho tập hợp $A = [m; m+2], B = [-1; 2]$. Tìm điều kiện của m để $A \subset B$.
 A. $m \leq -1$ hoặc $m \geq 0$ B. $-1 \leq m \leq 0$ C. $1 \leq m \leq 2$ D. $m < 1$ hoặc $m > 2$
- Câu 210:** Cho tập hợp $A = (0; +\infty)$ và $B = \{x \in \mathbb{R} \mid mx^2 - 4x + m - 3 = 0\}$. Tìm m để B có đúng hai tập con và $B \subset A$.
 A. $\begin{cases} 0 < m \leq 3 \\ m = 4 \end{cases}$ B. $m = 4$ C. $m > 0$ D. $m = 3$
- Câu 211:** Cho hai tập hợp $A = [-2; 3], B = (m; m+6)$. Điều kiện để $A \subset B$ là:
 A. $-3 \leq m \leq -2$ B. $-3 < m < -2$ C. $m < -3$ D. $m \geq -2$

Câu 212: Cho hai tập hợp $X = (0; 3]$ và $Y = (a; 4)$. Tìm tất cả các giá trị của $a \leq 4$ để $X \cap Y \neq \emptyset$.

- A. $\begin{cases} a < 3 \\ a \geq 4 \end{cases}$ B. $a < 3$ C. $a < 0$ D. $a > 3$

Câu 213: Cho hai tập hợp $A = \{x \in \mathbb{R} \mid 1 \leq |x| \leq 2\}$; $B = (-\infty; m-2] \cup [m; +\infty)$. Tìm tất cả các giá trị của m để $A \subset B$.

- A. $\begin{cases} m \geq 4 \\ m \leq -2 \end{cases}$ B. $\begin{cases} m \geq 4 \\ m \leq -2 \\ m = 1 \end{cases}$ C. $\begin{cases} m > 4 \\ m < -2 \\ m = 1 \end{cases}$ D. $-2 < m < 4$

Câu 214: Cho số thực $a < 0$. Điều kiện cần và đủ để $(-\infty; 9a) \cap \left(\frac{4}{a}; +\infty\right) \neq \emptyset$ là:

- A. $-\frac{2}{3} < a < 0$. B. $-\frac{2}{3} \leq a < 0$. C. $-\frac{3}{4} < a < 0$. D. $-\frac{3}{4} \leq a < 0$.

Câu 215: Cho tập hợp $A = [m; m+2]$, $B = [-1; 2]$ với m là tham số. Điều kiện để $A \subset B$ là:

- A. $1 \leq m \leq 2$ B. $-1 \leq m \leq 0$
C. $m \leq -1$ hoặc $m \geq 0$ D. $m < -1$ hoặc $m > 2$

Câu 216: Cho tập hợp $A = [m; m+2]$, $B = [1; 3)$. Điều kiện để $A \cap B = \emptyset$ là:

- A. $m < -1$ hoặc B. $m \leq -1$ hoặc $m > 3$
C. $m < -1$ hoặc $m \geq 3$ D. $m \leq -1$ hoặc $m \geq 3$

Câu 217: Cho hai tập hợp $A = [-3; -1] \cup [2; 4]$, $B = (m-1; m+2)$. Tìm m để $A \cap B \neq \emptyset$.

- A. $|m| < 5$ và $m \neq 0$ B. $|m| > 5$ C. $1 \leq m \leq 3$ D. $m > 0$

Câu 218: Cho 3 tập hợp $A = (-3; -1) \cup (1; 2)$, $B = (m; +\infty)$, $C = (-\infty; 2m)$. Tìm m để $A \cap B \cap C \neq \emptyset$.

- A. $\frac{1}{2} < m < 2$ B. $m \geq 0$ C. $m \leq -1$ D. $m \geq 2$

Câu 219: Cho hai tập $A = [0; 5]$, $B = (2a; 3a+1]$, $a > -1$. Với giá trị nào của a thì $A \cap B \neq \emptyset$

- A. $-\frac{1}{3} \leq a \leq \frac{5}{2}$. B. $\begin{cases} a \geq \frac{5}{2} \\ a < -\frac{1}{3} \end{cases}$. C. $\begin{cases} a < \frac{5}{2} \\ a \geq -\frac{1}{3} \end{cases}$. D. $-\frac{1}{3} \leq a < \frac{5}{2}$.

Câu 220: Cho 2 tập khác rỗng $A = (m-1; 4]$; $B = (-2; 2m+2)$, $m \in \mathbb{R}$. Tìm m để $A \cap B \neq \emptyset$

- A. $-1 < m < 5$. B. $1 < m < 5$. C. $-2 < m < 5$. D. $m > -3$.

Câu 221: Cho số thực $a < 0$. Điều kiện cần và đủ để $(-\infty; 9a) \cap \left(\frac{4}{a}; +\infty\right) \neq \emptyset$ là:

- A. $-\frac{3}{4} \leq a < 0$. B. $-\frac{2}{3} < a < 0$. C. $-\frac{2}{3} \leq a < 0$. D. $-\frac{3}{4} < a < 0$.

Câu 222: Cho hai tập hợp $A = (m - 1; 5); B = (3; +\infty), m \in \mathbb{R}$. Tìm m để $A \cap B = \emptyset$.
A. $m = 4$. **B.** $4 \leq m < 6$. **C.** $4 \leq m \leq 6$. **D.** $m \geq 4$.

Câu 223: Cho tập hợp $A = (-\infty; m - 1)$, tập $B = (2; +\infty)$, tìm m để $A \cap B = \emptyset$?
A. $m < 3$. **B.** $m \leq 3$. **C.** $m > 1$. **D.** $m \leq 1$.

Câu 224: Cho nửa khoảng $A = [0; 3)$ và $B = (b; 10]$. $A \cap B = \emptyset$ nếu:
A. $b < 3$. **B.** $b \geq 3$. **C.** $0 \leq b < 3$. **D.** $b \leq 0$.

Câu 225: Cho tập hợp $A = [m; m + 2]$ và $B = [-1; 2]$. Tìm tập hợp tất cả các giá trị thực của tham số m để $A \subset B$.
A. $-1 \leq m \leq 0$. **B.** $m \leq 1$ hoặc $m \geq 2$. **C.** $1 \leq m \leq 2$. **D.** $m < 1$ hoặc $m > 2$.

Câu 226: Cho tập hợp khác rỗng $A = [a, 8 - a], a \in \mathbb{R}$. Với giá trị nào của a thì A sẽ là một đoạn có độ dài bằng 5?
A. $a = 3$ **B.** $a < 4$. **C.** $a = \frac{3}{2}$. **D.** $a = \frac{13}{2}$.

Câu 227: Cho hai tập hợp $A = (0; 3)$ và $B = [a; a + 2]$, với giá trị nào của a thì $A \cap B = \emptyset$.
A. $\begin{cases} a \leq -2 \\ a \geq 3 \end{cases}$ **B.** $\begin{cases} a \leq -2 \\ a \geq 2 \end{cases}$ **C.** $\begin{cases} a \leq -3 \\ a \geq 1 \end{cases}$ **D.** $\begin{cases} a < -2 \\ a \geq 3 \end{cases}$

Câu 228: Cho hai tập hợp $A = \{x \in \mathbb{R} \mid 1 \leq |x| \leq 2\}$; $B = (-\infty; m - 2] \cup [m; +\infty)$. Tìm tất cả các giá trị của m để $A \subset B$.

A. $\begin{cases} m \geq 4 \\ m \leq -2 \end{cases}$ **B.** $-2 < m < 4$. **C.** $\begin{cases} m \geq 4 \\ m \leq -2 \\ m = 1 \end{cases}$ **D.** $\begin{cases} m > 4 \\ m < -2 \\ m = 1 \end{cases}$

Câu 229: Cho các tập hợp $A = (-2; 10)$, $B = (m; m + 2)$. Tìm m để tập $A \cap B = (m; m + 2)$
A. $2 < m \leq 8$. **B.** $2 \leq m \leq 8$. **C.** $-2 \leq m \leq 8$. **D.** $2 \leq m < 8$.

Câu 230: Cho $A = [m; m + 1]$; $B = [1; 4)$. Tìm m để $A \cap B \neq \emptyset$.
A. $m \in [0; 4]$. **B.** $m \in (0; 4]$. **C.** $m \in (0; 4)$. **D.** $m \in [0; 4)$.

Câu 231: Cho các tập hợp khác rỗng $A = \left[m - 1; \frac{m + 3}{2} \right]$ và $B = (-\infty; -3) \cup [3; +\infty)$. Tập hợp các giá trị thực của m để $A \cap B \neq \emptyset$ là
A. $(-\infty; -2) \cup [3; +\infty)$ **B.** $(-2; 3)$
C. $(-\infty; -2) \cup [3; 5]$ **D.** $(-\infty; -9) \cup (4; +\infty)$

Câu 232: Cho hai tập hợp $M = [2m - 1; 2m + 5]$ và $N = [m + 1; m + 7]$ (với m là tham số thực). Tổng tất cả các giá trị của m để hợp của hai tập hợp M và N là một đoạn có độ dài bằng 10 là
A. 4. **B.** -2. **C.** 6. **D.** 10.

- Câu 233:** Cho hai tập hợp $A = (m - 1; 5]$, $B = (3; 2020 - 5m)$ và A, B khác rỗng. Có bao nhiêu giá trị nguyên của m để $A \setminus B = \emptyset$?
- A. 3. B. 399. C. 398. D. 2.
- Câu 234:** Cho hai tập hợp $X = [-1; 4]$ và $Y = [m+1; m+3]$. Tìm tất cả các giá trị $m \in \mathbb{R}$ sao cho $Y \subset X$
- A. $-2 \leq m \leq 1$. B. $\begin{cases} m \leq -2 \\ m \geq 1 \end{cases}$. C. $-2 < m < 1$. D. $\begin{cases} m < -2 \\ m > 1 \end{cases}$.
- Câu 235:** Cho hai tập hợp $P = [3m - 6; 4)$ và $Q = (-2; m+1)$, $m \in \mathbb{R}$. Tìm m để $P \setminus Q = \emptyset$.
- A. $3 \leq m < \frac{10}{3}$. B. $3 < m < \frac{10}{3}$. C. $m \geq 3$. D. $\frac{4}{3} < m \leq 3$.
- Câu 236:** Cho các tập hợp khác rỗng $[2m; m+3]$ và $B = (-\infty; -2] \cup (4; +\infty)$. Tập hợp các giá trị thực của m để $A \cap B \neq \emptyset$ là
- A. $\begin{cases} m \leq -1 \\ m > 1 \end{cases}$. B. $-1 < m \leq 1$. C. $1 < m < 3$. D. $\begin{cases} 1 < m \leq 3 \\ m \leq -1 \end{cases}$.
- Câu 237:** Cho số thực $m < 0$. Tìm m để $(-\infty; m^2) \cap (4; +\infty) \neq \emptyset$
- A. $m > 2$. B. $-2 < m < 2$. C. $m < 0$. D. $m < -2$.
- Câu 238:** Cho 2 tập khác rỗng $A = (m - 1; 4]; B = (-2; 2m + 2), m \in \mathbb{R}$. Tìm m để $A \subset B$
- A. $1 < m < 5$. B. $m > 1$. C. $-1 \leq m < 5$. D. $-2 < m < -1$.
- Câu 239:** Cho các tập hợp $A = \{3k + 1 | k \in \mathbb{Z}\}$, $B = \{6m + 4 | m \in \mathbb{Z}\}$. Khi đó:
- A. $A = B$. B. $A \subset B$. C. $B \subset A$. D. $A \setminus B = \emptyset$

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>